TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/**2025/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 6 năm 2025.
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Cường, bà Vương Thị Thu.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên toà: Ông Ngô Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 161/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Dương Văn L,** sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim A**, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn Ông Dương Văn L trình bày:

1. Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Kim A tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 1990, không nhớ ngày tháng, có tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nhưng cho đến nay không còn lưu giữ được

giấy chứng nhận kết hôn. Khi đó hai vợ chồng làm nghề ruộng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ra ở riêng tại xã N, nay là xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Qúa trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 cho đến ay không ai quan tâm ai. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên ông xin ly hôn với bà Kim A. Do không xác định được ngày đăng ký kết hôn nên ông đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Nguyễn Thị Kim A là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Dương Thị Kim L1, sinh ngày 06/6/1991 và Dương Thị Thu H, sinh ngày 26/6/1993, hiện 02 cháu đã trưởng thành, có gia đình riêng, tự lao động sinh sống được, nên ông không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Dương Văn L tự nguyện kết hôn với nhau năm 1990, có đăng ký kết hồn tại xã N cũ (nay là xã Q), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi đó ông M - cản bộ tư pháp Năng Yên cũ (nay là xã Q) vào sổ đăng ký kết hôn nên không có giấy đăng ký kết hôn. Khi đó hai vợ chồng làm ruộng tại địa phương. Quá trình chung sống hòa thuận được khoảng 10 năm, đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Dương Văn L ngoại tình, bỏ bê vợ con, không quan tâm tới gia đình. Năm 2006 thì ông L bỏ đi, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay tôi không đồng ý ly hôn với ông Lý D ông L là con người không có trách nhiệm.

2. Về con chung: Có 02 con như ông L trình bày, hiện 02 cháu đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên bà không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án xác minh tại địa phương thể hiện:

+ Biên bản xác minh ngày 03/3/2025 tại UBND xã Q: Ông Dương Văn L, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1966 có hộ khẩu thường trú tại khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ông L, bà A về sinh sống tại khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Qúa trình sinh sống tại địa phương ông L và bà A xảy ra nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn từ khoảng những năm 2002.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông L và bà A sống ly thân nhau từ khoảng những năm 2006 cho đến nay. Thỉnh thoảng ông L có về nhà. Nay ông L xin ly hôn bà A đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, ông L và bà A có 02 con chung là Dương Thị Kim L1, sinh ngày 06/6/1991 và Dương Thị Thu H, sinh ngày 26/6/1993, hiện nay các con chung đã trưởng thành, lao động tự túc được. Về tài sán chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình giữa ông L và bà A như thế nào thì địa phương không nắm được cụ thể. Do thời gian lâu, sổ gốc năm 1990 - 1992 lưu giữ tại UBND xã không còn không biết được ông L và bà A có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, nay là xã Q hay không.

+ Biên bản xác minh ngày 03/3/2025 tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ: Ông Dương Văn M, sinh năm 1960 - N là Phó chủ tịch, trưởng ban công an xã N, nay là xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ cung cấp như sau: Năm 1990, ông làm Phó chủ tịch UBND xã N, nay là xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Ông không nhớ có đăng ký kết hôn cho ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị Kim A hay không. Do thời đó, chỉ viết bằng tay, không có sổ sách lưu lại. Thời bấy giờ, chủ yếu đăng ký kết hôn là theo bên của nhà trai, khi đó ông L gốc là người Đại An.

+ Biên bản xác minh ngày 03/3/2025 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ: Ông Nguyễn Xuân B - Cán bộ tư pháp xã Đ cho biết như sau: Ông Dương Văn L, sinh năm 1963 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ trước đây có hộ khẩu thường trú tại khu C, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Những năm 1990, ông Quản Xuân T là Phó chủ tịch - Trưởng công an xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ xác nhận đã đăng ký kết hôn cho ông L và bà A. Do thời gian lâu, sổ gốc năm 1990 lưu giữ tại UBND xã không còn nên không xác định được chính xác thời gian ông L và bà A kết hôn là thời gian nào. Nay ông L đề nghị giải quyết ly hôn với bà A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản

4 Điều 147, khoản 4 điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

- Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị Kim A.

- Về con chung: không yêu cầu giải quyết vì vậy không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, các vấn đề khác: Không yêu cầu Toà án giải quyết vì vậy không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Ông Dương Văn L được miễn án phí do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Ngày 31/12/2024 Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba tiến hành thụ lý vụ án. Tại thời điểm thụ lý vụ án ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị Kim A đều có hộ khẩu và cư trú tại khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị Kim A chung sống với nhau năm 1990, hôn lễ được tổ chức theo nghi lễ phong tục tập quán địa phương, ông L và bà A thừa nhận vợ chồng có đi đăng ký kết hôn, nhưng ông L cho rằng kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; bà A thì cho rằng kết hôn tại xã N , nay là xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ; thời gian lâu nên không ai có giấy chứng nhận kết hôn. Tòa án đã tiến hành làm việc với UBND xã Đ và UBND xã Q, cũng như gặp ông Quản Xuân T- nguyên là cán bộ xã N lúc bấy giờ nơi anh chị sinh trú quán, song UBND xã Đ và UBND xã Q xác nhận sổ đăng ký kết hôn thời kỳ năm 1990-1992 không còn lưu trữ, qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn còn lưu trữ cho đến nay không có tên ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị Kim A. Do vậy có cơ sở kết luận ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị Kim A từ khi kết hôn cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đã vi phạm điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân giữa ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị Kim A không được pháp luật thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà A đã chính thức ly thân cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ năm 2006 cho đến nay, bản thân ông L xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà Kim A, bà Kim A cũng xác nhận vợ chồng sống ly thâm nhau, không ai quan tâm

đến ai. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 điều 53, khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị Kim A.

Về con chung: Ông L và bà A xác nhận con chung đã trưởng thành, do vậy ông, bà không đề nghị Tòa án xem xét gải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và các vấn đề khác: Các bên đương sự xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Ông Dương Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nhưng ông L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị Kim A là vợ chồng.

2. Về con chung: con chung đã trưởng thành, do vậy ông, bà không đề nghị Tòa án xem xét gải quyết.

3. Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Dương Văn L được miễn tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắn mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Chi cục THADS huyện Thanh Ba
- UBND xã Quảng Yên;
- Các đương sự;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

- Lưu HS, VP.

Trần Thị Lan Anh